



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông La Văn Út Ông Trương Văn Minh Ông Bùi Hồng Dũng Ông Nguyễn Quang Cường Bà Phạm Lý Trang Khanh Ông Lê Minh Ngọc Ông Nguyễn Chí Nam	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Quang Cường Bà Phạm Lý Trang Khanh Ông Nguyễn Quang Chiến Ông Bùi Hồng Dũng Ông Đỗ Quang Minh Bà Văn Thị Hồng Phượng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Tiến Dũng Bà Phạm Thúy Hà  Ông Phạm Văn Trung  Bà Nguyễn Thị Thu  Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021) Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021) Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 11 tháng 4 năm 2021) Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 11 tháng 4 năm 2021)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	236/106/1A Điện Biên Phủ Phường 17, Quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
  
Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 9 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 9 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00367-21-1



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3073-2019-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*



Phan Mỹ Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2021

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>549.244.854.442</b>	<b>491.996.225.734</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>442.029.941.915</b>	<b>340.712.868.131</b>
Tiền	111		52.029.941.915	77.851.220.022
Các khoản tương đương tiền	112		390.000.000.000	262.861.648.109
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49.502.619.500</b>	<b>100.689.981.132</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	381.480.000	14.930.996.881
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	8.226.993.659	999.045.138
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	40.894.145.841	84.759.939.113
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>57.439.565.754</b>	<b>50.320.649.198</b>
Hàng tồn kho	141		57.439.565.754	50.320.649.198
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>272.727.273</b>	<b>272.727.273</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		272.727.273	272.727.273
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>905.792.550.246</b>	<b>943.829.626.386</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>52.014.000.000</b>	<b>14.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	52.014.000.000	14.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>651.766.512.694</b>	<b>741.803.588.834</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	628.113.066.199	717.843.640.093
Nguyên giá	222		4.045.983.789.311	4.045.983.789.311
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.417.870.723.112)	(3.328.140.149.218)
Tài sản cố định vô hình	227	14	23.653.446.495	23.959.948.741
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.597.533.716)	(4.291.031.470)

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Vận tải Năng dầu Vitaco  
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>192.640.046.940</b>	<b>192.640.046.940</b>
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.859.953.060)	(46.859.953.060)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.371.990.612</b>	<b>9.371.990.612</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32(d)	9.371.990.612	9.371.990.612
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.455.037.404.688</b>	<b>1.435.825.852.120</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>417.619.278.213</b>	<b>356.284.715.025</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>285.650.122.713</b>	<b>208.789.776.525</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	22.378.375.697	29.994.963.414
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		97.192.000	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	5.761.505.874	10.449.019.095
Phải trả người lao động	314		40.876.950.345	32.782.133.974
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.398.537.382	8.506.213.646
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	40.751.611.687	9.091.143.253
Vay ngắn hạn	320	20	31.051.566.000	31.051.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	114.174.443.085	79.174.443.081
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	20.159.940.643	7.740.294.062
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>131.969.155.500</b>	<b>147.494.938.500</b>
Vay dài hạn	338	20	131.969.155.500	147.494.938.500

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco  
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.037.418.126.475</b>	<b>1.079.541.137.095</b>
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.037.418.126.475	1.079.541.137.095
Vốn cổ phần	411	24	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.055.180.919	41.678.191.539
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.092.035.154	(6.898.208.878)
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		18.963.145.765	48.576.400.417
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.455.037.404.688</b>	<b>1.435.825.852.120</b>

Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng

Người duyệt: 

Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	325.911.451.053	326.965.859.105
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	28	272.937.545.797	288.525.888.543
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>52.973.905.256</b>	<b>38.439.970.562</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	26.527.602.506	4.901.918.454
Chi phí tài chính	22	30	6.812.028.968	9.354.901.624
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.774.558.436	9.134.158.430
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		27.172.647.866	23.737.292.982
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>45.516.830.928</b>	<b>10.249.694.410</b>
Thu nhập khác	31		24.011.216	-
Chi phí khác	32		97.719.644	14.722.871
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(73.708.428)</b>	<b>(14.722.871)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>45.443.122.500</b>	<b>10.234.971.539</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.190.653.739	2.348.432.934
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>40.252.468.761</b>	<b>7.886.538.605</b>

Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>45.443.122.500</b>	<b>10.234.971.539</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		90.037.076.140	89.932.317.114
Các khoản dự phòng	03		35.000.000.004	36.755.056.666
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		23.640.412	30.878.220
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(26.428.017.017)	(4.788.575.377)
Chi phí lãi vay	06		6.774.558.436	9.134.158.430
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>150.850.380.475</b>	<b>141.298.806.592</b>
Biến động các khoản phải thu	09		7.997.041.747	19.443.564.729
Biến động hàng tồn kho	10		(7.118.916.556)	1.156.227.004
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		670.802.689	(73.967.379.744)
Biến động chi phí trả trước	12		-	1.956.110.533
			<b>152.399.308.355</b>	<b>89.887.329.114</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.935.090.779)	(9.336.397.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.534.665.928)	(15.379.776.266)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.169.900.000)	(6.599.610.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>129.759.651.648</b>	<b>58.571.545.143</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
 ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(922.998.907)	(25.290.969.807)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	17.618.336.902	4.788.575.377
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.695.337.995</b>	<b>(20.502.394.430)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.525.783.000)	(15.525.783.000)
Tiền trả cổ tức	36	(29.610.257.200)	(45.455.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(45.136.040.200)</b>	<b>(15.571.238.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>101.318.949.443</b>	<b>22.497.912.713</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	340.712.868.131	251.935.741.438
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.875.659)	(67.835.786)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>442.029.941.915</b>	<b>274.365.818.365</b>

Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Trí  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính riêng**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**(e) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 354 nhân viên (1/1/2021: 354 nhân viên).



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong; và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

#### **4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	505.691.758	4.230.797
Tiền gửi ngân hàng	51.524.250.157	77.846.989.225
Các khoản tương đương tiền (*)	390.000.000.000	262.861.648.109
	<hr/>	<hr/>
	442.029.941.915	340.712.868.131

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,8% đến 3,5%/năm (1/1/2021: từ 2,9% đến 4%/năm).

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	381.480.000	7.155.547.681
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	-	7.775.449.200
	<hr/>	<hr/>
	381.480.000	14.930.996.881

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	6.512.995.888	-
Trả trước khác	1.713.997.771	999.045.138
	8.226.993.659	999.045.138

**11. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	19.980.457.683	63.239.848.746
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	9.466.112.761	20.505.470.560
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 10</i>	10.000.000.000	42.671.143.264
▪ <i>Phải thu khác</i>	514.344.922	63.234.922
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	2.494.353.499	1.974.172.321
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	2.494.353.499	1.974.172.321
Chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	-	318.224.864
Chi hộ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	174.838.915	-
Tạm ứng cho người lao động	1.459.529.705	1.719.143.949
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 21)	12.500.000.000	12.500.000.000
Các khoản phải thu khác	4.284.966.039	5.008.549.233
	40.894.145.841	84.759.939.113

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	52.000.000.000	-
▪ <i>Phải thu về chi hệ mua tàu Nhà Bè 10 (*)</i>	52.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	14.000.000	14.000.000
	52.014.000.000	14.000.000
	52.014.000.000	14.000.000

(\*) Khoản phải thu về chi hệ mua tàu Nhà Bè 10 sẽ được thu hồi trong năm 2022 là 12 tỷ VND và trong năm 2023 và 2024, mỗi năm 20 tỷ VND.

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	56.805.479.645	50.097.898.015
Công cụ và dụng cụ	634.086.109	222.751.183
	57.439.565.754	50.320.649.198
	57.439.565.754	50.320.649.198

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	101.836.756.726	174.339.147	3.943.630.184.063	342.509.375	4.045.983.789.311
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	2.733.872.664	174.339.147	3.324.889.428.032	342.509.375	3.328.140.149.218
Khấu hao trong kỳ	1.366.936.332	-	88.363.637.562	-	89.730.573.894
Số dư cuối kỳ	4.100.808.996	174.339.147	3.413.253.065.594	342.509.375	3.417.870.723.112
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	99.102.884.062	-	618.740.756.031	-	717.843.640.093
Số dư cuối kỳ	97.735.947.730	-	530.377.118.469	-	628.113.066.199

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 228.666 triệu VND (1/1/2021: 250.911 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 1.530.977 triệu VND (1/1/2021: 1.530.977 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	4.291.031.470
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	4.597.533.716
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	23.959.948.741
Số dư cuối kỳ	23.653.446.495

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2021					1/1/2021						
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>												
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		100%	100%	160.000.000.000	-	(*)		100%	100%	160.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng		100%	100%	15.000.000.000	-	(*)		100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
			<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>					<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>		
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>												
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0.51%	0.51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)	625.000	0.51%	0.51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2.02%	2.02%	6.000.000.000	-	(*)	600.000	2.02%	2.02%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17.86%	17.86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17.86%	17.86%	5.000.000.000	-	(*)
			<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>					<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>		

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	176.717.517	5.453.229.078
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	2.836.412.738	3.306.881.492
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	7.350.019.318	5.791.075.846
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	2.846.327.650	2.398.721.050
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	2.337.555.558	-
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.045.113.382	1.303.974.731
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	47.088.250	72.254.750
	<b>16.639.234.413</b>	<b>18.326.136.947</b>
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	4.655.617.360	4.655.617.360
Các nhà cung cấp khác	1.083.523.924	7.013.209.107
	<b>5.739.141.284</b>	<b>11.668.826.467</b>
	<b>22.378.375.697</b>	<b>29.994.963.414</b>

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**17. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2021</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng (*)	2.673.059.370	18.527.687.797	(18.649.705.612)	2.551.041.555
Thuế nhập khẩu	-	893.859.768	(893.859.768)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.236.751.320	5.190.653.739	(10.534.665.928)	1.892.739.131
Thuế thu nhập cá nhân	434.769.311	1.345.001.984	(1.743.501.155)	36.270.140
Các loại thuế khác	104.439.094	1.310.893.396	(133.877.442)	1.281.455.048
	<b>10.449.019.095</b>	<b>27.268.096.684</b>	<b>(31.955.609.905)</b>	<b>5.761.505.874</b>

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.305.505.668	1.466.038.011
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	916.364.655	2.177.260.049
Chi phí phúc lợi nhân viên	4.000.000.000	-
Chi phí bảo trì	2.006.558.231	-
Cảng phí	401.840.000	402.505.000
Bảo hiểm	-	3.442.638.033
Các khoản khác	1.768.268.828	1.017.772.553
	<b>10.398.537.382</b>	<b>8.506.213.646</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về hoạt động tàu Vân Phong	1.417.817.910	1.561.067.016
Kinh phí công đoàn	1.635.854.122	1.936.329.430
Cổ tức phải trả	34.650.364.260	1.167.288.660
Các khoản phải trả khác	3.047.575.395	4.426.458.147
	<b>40.751.611.687</b>	<b>9.091.143.253</b>

**20. Vay**

(a) **Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:**

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>tiền</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,9%	2026	163.020.721.500	178.546.504.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(31.051.566.000)	(31.051.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				131.969.155.500	147.494.938.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 228.666 triệu VND (1/1/2021: 250.911 triệu VND) (Thuyết minh 13).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	64.174.443.085	29.174.443.081
	114.174.443.085	79.174.443.081

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “*phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND*”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “*50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp*”. Hiện tại các bên liên đới đến vụ xét xử đang xin kháng cáo. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, thời gian xét xử phúc thẩm vẫn chưa được ấn định. Tuy nhiên với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy, do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 11) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND (Thuyết minh 23).

(ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	<b>Dự phòng sửa chữa lớn</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	29.174.443.081	57.249.999.998
Dự phòng lập trong kỳ	35.000.000.004	36.755.056.666
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(26.822.875.667)
	64.174.443.085	67.182.180.997

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.740.294.062	9.485.978.540
Trích lập trong kỳ	19.282.146.581	20.031.585.522
Sử dụng quỹ	(6.862.500.000)	(12.255.710.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	20.159.940.643	17.261.854.062

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	121.613.376.044	1.159.476.321.600
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	7.886.538.605	7.886.538.605
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20.031.585.522)	(20.031.585.522)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	38.488.329.727	1.076.351.275.283
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.678.191.539	1.079.541.137.095
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	40.252.468.761	40.252.468.761
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(19.282.146.581)	(19.282.146.581)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
Điều chuyển quỹ (*)	-	-	-	(37.500.000.000)	37.500.000.000	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	37.055.180.919	1.037.418.126.475

(\*) Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 đã quyết định điều chuyển 37.500 triệu VND từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 25. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: phân phối khoản cổ tức trị giá 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	105.015	2.406.940.362	18.036	415.453.731

**27. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	324.355.451.055	324.659.859.107
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.555.999.998	2.305.999.998
	<b>325.911.451.053</b>	<b>326.965.859.105</b>

**28. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	272.392.945.797	287.718.788.543
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	544.600.000	807.100.000
	<b>272.937.545.797</b>	<b>288.525.888.543</b>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Cổ tức được chia	22.539.322.996	1.250.200.000
Lãi tiền gửi	3.888.694.021	3.538.375.377
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	99.585.489	113.343.077
	<hr/>	<hr/>
	26.527.602.506	4.901.918.454
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.774.558.436	9.134.158.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.830.120	189.864.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	23.640.412	30.878.220
	<hr/>	<hr/>
	6.812.028.968	9.354.901.624
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	60.222.222.875	55.740.005.093
Chi phí nhân viên	71.843.748.147	49.602.586.180
Chi phí khấu hao	90.037.076.140	89.932.317.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.771.130.839	49.279.330.122
Chi phí khác	58.236.015.662	66.355.637.249
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	5.190.653.739	2.348.432.934

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.443.122.500	10.234.971.539
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.088.624.500	2.046.994.308
Thu nhập không bị tính thuế	(4.507.864.599)	(250.040.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	609.893.838	551.478.626
	5.190.653.739	2.348.432.934

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 9.371.990.612 VND liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú (1/1/2021: 9.371.990.612 VND).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b> <b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.263.285.055	92.801.528.472
<b>Công ty mẹ</b> <b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b> Doanh thu cung cấp dịch vụ Chia cổ tức	232.234.282.498 33.172.173.600	227.328.605.633 37.318.695.300
<b>Các công ty liên quan khác</b> <b>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP –</b> <b>Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	9.570.466.000	8.297.431.400
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</b> Mua hàng hóa và dịch vụ Cổ tức	9.686.597.428 18.794.969.497	18.133.389.473 -
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	13.668.641.109	11.840.158.448
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	22.287.635.097	15.346.546.269
<b>Công ty Xăng dầu Khu Vực 2</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	86.738.819	271.559.453
<b>Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	150.345.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	182.010.000	1.573.745.500
<b>Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long</b> Mua hàng hóa và dịch vụ	2.378.520.007	1.320.367.950
<b>Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng</b> Cổ tức	2.494.353.499	-
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang</b> Cổ tức	1.250.000.000	1.250.200.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thành viên Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng	2.135.600.000	1.976.765.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Thù lao	163.600.000	168.720.000

#### 34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Cần trừ phải thu về chi hộ với phải thu về lợi nhuận được chia	19.328.856.736	-

#### 35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 9 tháng 9 năm 2021

Người lập:



Phan Nhân Trí  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc